

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2021/HS-PT

Ngày 31-3-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Thông

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quang Sơn

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trung Tín - Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2021/TLPT-HS ngày 09 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo H.V.V.E và 03 đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

Các bị cáo có kháng cáo:

1. **H.V.V.E**, sinh năm 1968 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp PL, xã PĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H.V.B (chết) và bà L.T.C (chết); vợ: N.T.N; con: có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 94/QĐ-XPHC ngày 26/4/2011 của Công an huyện Mộc Hóa, tỉnh Long An xử phạt số tiền 3.500.000 đồng về hành vi qua lại biên giới mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định, nộp phạt xong ngày 27/4/2011; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020; bị cáo tại ngoại; có mặt.

2. **H.V.H**, sinh năm 1973 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp PL, xã PĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông H.V.B (chết) và bà L.T.C (chết); vợ: T.T.T.T; con: có 01 người con sinh năm 2019; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số: 06/2003/HSST ngày

15/01/2003 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xử phạt 26 tháng tù về “Tội đánh bạc”, chấp hành xong ngày 12/5/2004; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020; bị cáo tại ngoại; có mặt.

3. **B.T.H**, sinh năm 1976 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: ấp PN, xã PD, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: làm vườn; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông B.V.I và bà L.T.T (chết); vợ: V.T.H (đã ly hôn); con: có 01 người con sinh năm 2008; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: tại Bản án số: 154/2013/HSPT ngày 20/9/2013 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã xử phạt 09 tháng tù về “Tội đánh bạc” và “Tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” nhưng cho hưởng án treo; tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số: 1129/QĐ-XPVPHC ngày 25/01/2019 của Công an xã PD, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xử phạt số tiền 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc, nộp phạt ngày 25/01/2019; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020; bị cáo tại ngoại; có mặt.

4. **N.H.P**, sinh năm 1985 tại tỉnh Bến Tre; nơi cư trú: Số XXX, ấp PN, xã PD, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: buôn bán; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông N.V.H và bà N.T.D; vợ: V.T.H.C; con: có 02 người con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2016; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020; bị cáo tại ngoại; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ ngày 18/7/2020; B.T.H, N.H.P cùng H.V.H đến nhà H.V.V.E tại ấp PL, xã PD, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre để chơi. Tại đây, cả 04 người rủ nhau đánh bạc ăn thua bằng tiền. Hình thức đánh bài xập xám, mỗi người làm cái 01 ván bài rồi xoay vòng, số tiền đặt cược mỗi ván bài là 500.000 đồng. Khi đánh bài H.V.V.E, H.V.H, B.T.H và N.H.P để tiền ra bên ngoài ngay tụ bài của mình, số tiền thắng thua đều để vào đây. Đến 14 giờ cùng ngày thì bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre phát hiện bắt quả tang.

Vật chứng thu giữ gồm:

- Thu trên chiếu bạc số tiền 50.300.000 đồng (tụ của H.V.V.E số tiền 9.000.000 đồng, tụ của H.V.H số tiền 5.000.000 đồng, tụ của B.T.H số tiền 9.000.000 đồng, tụ của N.H.P số tiền 27.000.000 đồng, 300.000 đồng tiền để riêng khi người nào tới trắng bỏ vào 100.000 đồng để cả 04 cùng sử dụng chung ăn uống); 01 bộ bài tây 52 lá đã sử dụng và vỏ hộp; 01 chiếc chiếu dài 02m rộng 1,5m và 01 đĩa sành màu trắng;

- Thu trong người H.V.V.E số tiền 11.500.000 đồng và điện thoại di động hiệu Samsung;
- Thu trong người H.V.H số tiền 65.200.000 đồng và điện thoại di động hiệu Nokia;
- Thu trong người B.T.H số tiền 3.500.000 đồng và điện thoại di động hiệu Nokia;
- Thu trong người N.H.P số tiền 42.000.000 đồng và điện thoại di động hiệu Iphone;
- Thu giữ xe mô tô biển kiểm soát 71B2-xxx.xx của B.T.H và xe gắn máy biển kiểm soát 51TB-xxxx của N.H.P.

Quá trình điều tra xác định H.V.V.E, H.V.H, B.T.H và N.H.P không liên lạc hẹn trước để đến nhà H.V.V.E đánh bạc nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã trả điện thoại di động hiệu Samsung cho H.V.V.E, trả điện thoại di động hiệu Nokia cho H.V.H, trả điện thoại di động hiệu Nokia và xe mô tô biển kiểm soát 71B2-xxx.xx cho B.T.H, trả điện thoại di động hiệu Iphone và xe gắn máy biển kiểm soát 51TB-xxxx cho N.H.P.

* Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 25-12-2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo H.V.V.E, H.V.H, B.T.H và N.H.P phạm “Tội đánh bạc”;

1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo H.V.V.E 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020.

2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo H.V.H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020.

3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo B.T.H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020.

4. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo N.H.P 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp

hành án, nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020.

Ngoài ra; Bản án sơ thẩm còn tuyên về hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 05/01/2021; các bị cáo H.V.V.E, H.V.H, B.T.H và N.H.P đều kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Đến ngày 01/3/2021, bị cáo N.H.P thay đổi kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Bản án sơ thẩm và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên thể hiện như sau: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong hạn luật định. Về tội danh; Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo H.V.V.E, H.V.H, B.T.H và N.H.P phạm “Tội đánh bạc” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Về hình phạt; xét thấy các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H có nhân thân không tốt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo H.V.V.E 03 năm 06 tháng tù, H.V.H 03 năm 06 tháng tù và B.T.H 03 năm 06 tháng tù là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo, vì vậy kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H không có cơ sở chấp nhận; đối với bị cáo N.H.P đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt 03 năm tù là có căn cứ pháp luật, tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự, có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, vì vậy kháng cáo yêu cầu được hưởng án treo của bị cáo N.H.P có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo H.V.V.E 03 năm 06 tháng tù về “Tội đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo H.V.H 03 năm 06 tháng

tù về “Tội đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020;

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo B.T.H 03 năm 06 tháng tù về “Tội đánh bạc”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020;

2. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.H.P; sửa Bản án sơ thẩm đối với bị cáo N.H.P;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo N.H.P 03 năm tù về “Tội đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm;

Các phần khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận.

Các bị cáo H.V.V.E, H.V.H, B.T.H nói lời sau cùng: xin được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ.

Bị cáo N.H.P không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: đơn kháng cáo của các bị cáo làm trong thời hạn kháng cáo phù hợp với quy định tại Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm; các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm kết hợp với các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, có cơ sở xác định: vào lúc 14 giờ ngày 18/7/2020, tại ấp PL, xã PD, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre; các bị cáo H.V.V.E, H.V.H, B.T.H và N.H.P đã có hành vi cùng tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài xập xám ăn thua bằng tiền, với tổng số tiền đánh bạc là 61.800.000 đồng.

[3] Về tội danh: các bị cáo là người thành niên, có năng lực trách nhiệm hình sự; vì động cơ tư lợi, mục đích thu lợi bất chính đã cố ý thực hiện hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức đánh bài xập xám được thua bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc là 61.800.000 đồng; hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng xã hội, gây khó khăn về kinh tế cho chính bản thân và gia đình người đánh bạc, là nguyên nhân làm phát sinh

các loại tội phạm khác. Với ý thức, hành vi và tổng số tiền dùng vào việc đánh bạc trái phép, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử và tuyên bố các bị cáo H.V.V.E, H.V.H, B.T.H và N.H.P phạm “Tội đánh bạc” với tình tiết định khung tăng nặng “*Tiền hoặc hiện vật dùng đánh bạc trị giá 50.000.000 đồng trở lên*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[4] Xét kháng cáo của các bị cáo H.V.V.E, H.V.H, B.T.H và N.H.P; thấy rằng:

[4.1] Khi áp dụng hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã cân nhắc đến tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như: các bị cáo phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H tuy không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân không tốt, bị cáo H.V.H từng bị kết án về “Tội đánh bạc”, bị cáo B.T.H từng bị kết án về “Tội đánh bạc” và từng bị xử phạt hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo N.H.P có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; các bị cáo H.V.H, B.T.H và N.H.P có con nhỏ, bị cáo B.T.H là lao động chính trong gia đình và có bác ruột là liệt sĩ, bị cáo N.H.P bị bệnh nhiễm độc giáp, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đã xử phạt bị cáo H.V.V.E 03 năm 06 tháng tù, bị cáo H.V.H 03 năm 06 tháng tù, bị cáo B.T.H 03 năm 06 tháng tù và bị cáo N.H.P 03 năm tù;

[4.2] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy:

- Đối với các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H: mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng có nhân thân không tốt; bị cáo H.V.V.E đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi qua lại biên giới mà không làm thủ tục xuất nhập cảnh theo quy định; bị cáo H.V.H đã từng bị kết án về tội đánh bạc; bị cáo B.T.H đã từng bị kết án về tội đánh bạc và tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có và từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc. Lần phạm tội này các bị cáo đã cùng đồng phạm dùng tiền đánh bạc có tổng trị giá trên 50.000.000 đồng, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng có khung hình phạt từ 03 năm tù đến 07 năm tù, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Bị cáo H.V.V.E có 01 tình tiết giảm nhẹ *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp đơn có xác nhận của chính quyền địa phương có nội dung bản thân là lao động chính trong gia đình, các đơn thuốc điều trị bệnh đái tháo đường của vợ bị cáo, Huân chương kháng chiến hạng ba của ông N.Đ.X là chú ruột của bị cáo, giấy xác nhận thành tích thể hiện gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước, nên cần xem xét

là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Bị cáo H.V.H có 01 tình tiết giảm nhẹ *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và 01 tình tiết giảm nhẹ *có con còn nhỏ chưa thành niên* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp Huân chương kháng chiến hạng ba của ông N.Đ.X là chú ruột của bị cáo, giấy xác nhận thành tích thể hiện gia đình bị cáo có người thân có công với đất nước, nên cần xem xét là tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo. Bị cáo B.T.H có 01 tình tiết giảm nhẹ *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ *có con còn nhỏ chưa thành niên, là lao động chính trong gia đình, có bác ruột là liệt sĩ* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; tại cấp phúc thẩm bị cáo không phát sinh thêm tình tiết giảm nhẹ mới. Mặc dù tại cấp phúc thẩm bị cáo H.V.V.E và bị cáo H.V.H có thêm tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên; mức hình phạt và biện pháp chấp hành hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H có căn cứ và đúng pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy không có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với các bị cáo nên không chấp nhận kháng cáo yêu cầu được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ của các bị cáo; giữ nguyên biện pháp chấp hành hình phạt của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo là phù hợp;

- Đối với bị cáo N.H.P: mặc dù bị cáo đã cùng với các đồng phạm dùng tiền đánh bạc có tổng trị giá trên 50.000.000 đồng, phạm tội thuộc trường hợp nghiêm trọng có khung hình phạt từ 03 năm tù đến 07 năm tù, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Tuy nhiên; bị cáo mới phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như *thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải* theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, *có con còn nhỏ chưa thành niên* theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tình tiết giảm nhẹ mới là Giấy khen của Ủy ban nhân dân xã TĐ, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre vì đã có thành tích nhặt được của rơi trả lại cho người đánh mất vào ngày 19/02/2021, điều đó đã chứng tỏ bị cáo có nhân thân tốt. Hiện tại bị cáo có nơi cư trú rõ ràng; theo Kết quả xét nghiệm của Bệnh viện nhân dân 115 thuộc Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh thì bị cáo bị bệnh nhiễm độc giáp (cường giáp). Nhận thấy bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo quy định của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, vì vậy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo và

án định thời gian thử thách theo luật định cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Xét thấy quyết định của Bản án sơ thẩm về biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy có căn cứ để thay đổi biện pháp chấp hành hình phạt đối với bị cáo nên chấp nhận kháng cáo của bị cáo; sửa phần biện pháp chấp hành hình phạt của Bản án sơ thẩm, cho bị cáo được hưởng án treo là phù hợp.

[5] Theo Quyết định tạm giữ số: 16 ngày 18/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tạm giữ H.V.V.E 03 ngày, kể từ 14 giờ 30 phút ngày 18/7/2020 đến 14 giờ 30 phút ngày 21/7/2020. Theo Quyết định tạm giữ số: 17 ngày 18/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tạm giữ H.V.H 03 ngày, kể từ 14 giờ 30 phút ngày 18/7/2020 đến 14 giờ 30 phút ngày 21/7/2020. Theo Quyết định tạm giữ số: 18 ngày 18/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tạm giữ B.T.H 03 ngày, kể từ 14 giờ 30 phút ngày 18/7/2020 đến 14 giờ 30 phút ngày 21/7/2020. Xét thấy thời gian bị tạm giữ 03 ngày này được trừ vào thời hạn chấp hành hình phạt tù cho các bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[6] Theo Quyết định tạm giữ số: 19 ngày 18/7/2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tạm giữ N.H.P 03 ngày, kể từ 14 giờ 30 phút ngày 18/7/2020 đến 14 giờ 30 phút ngày 21/7/2020. Xét thấy; do bị cáo được hưởng án treo, thời gian bị tạm giữ không được trừ vào thời gian thử thách nên Hội đồng xét xử không xem xét đến thời gian bị tạm giữ này đối với bị cáo là đúng quy định của pháp luật.

[7] Quan điểm của Kiểm sát viên không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H; chấp nhận kháng cáo, sửa Bản án sơ thẩm, cho bị cáo N.H.P được hưởng án treo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Về án phí:

- Các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

- Bị cáo N.H.P không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

1.1. Căn cứ vào điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đối với các bị cáo;

1.1.1. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo H.V.V.E 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”; được trừ vào thời gian bị tạm giữ 03 (ba) ngày (từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020); thời hạn còn lại phải chấp hành là 03 (ba) năm 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

1.1.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo H.V.H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”; được trừ vào thời gian bị tạm giữ 03 (ba) ngày (từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020); thời hạn còn lại phải chấp hành là 03 (ba) năm 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

1.1.3. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo B.T.H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về “Tội đánh bạc”; được trừ vào thời gian bị tạm giữ 03 (ba) ngày (từ ngày 18/7/2020 đến ngày 21/7/2020); thời hạn còn lại phải chấp hành là 03 (ba) năm 05 (năm) tháng 27 (hai mươi bảy) ngày tù;

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù;

Tiếp tục cấm đi khỏi nơi cư trú đối với các bị cáo với thời hạn 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

1.2. Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận kháng cáo của bị cáo N.H.P; sửa Bản án sơ thẩm số: 68/2020/HS-ST ngày 25/12/2020 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre đối với bị cáo;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo N.H.P 03 (ba) năm tù về “Tội đánh bạc” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 (năm) năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm là ngày 31/3/2021;

Giao bị cáo N.H.P cho Ủy ban nhân dân xã PD, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre cùng gia đình bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách;

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019;

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể

quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt của Bản án trước và tổng hợp hình phạt của Bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; áp dụng Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Các bị cáo H.V.V.E, H.V.H và B.T.H mỗi bị cáo phải nộp: 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo N.H.P không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I - Tòa án nhân dân tối cao (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- Tòa án nhân dân huyện Châu Thành (12b);
- VKSND huyện Châu Thành (1b);
- Công an huyện Châu Thành (1b);
- Chi cục THADS huyện Châu Thành (1b);
- UBND xã PĐ, huyện Châu Thành (1b);
- Các bị cáo (4b);
- Phòng KTNV & THA, Tòa Hình sự, Văn phòng TAND tỉnh Bến Tre (5b);
- Lưu hồ sơ vụ án (1b).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Thông